

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 56/2020/HNGĐ-ST

Ngày 14/8/2020

*“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung giữa chị M và anh B”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hường;

2. Ông Nguyễn Văn Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai -Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 35/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị M sinh năm 1990

Nơi ĐKKHKT: Thôn K, xã KH, huyện P, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã KH, huyện P, tỉnh Thái Bình

- Bị đơn: Anh Chu Văn B sinh năm 1991

Nơi cư trú: Thôn K, xã KH, huyện P, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có chị M, vắng mặt anh B không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 10/5/2020, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Chu Văn B tự do, tự nguyện tìm hiểu dẫn đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KH vào ngày 28/6/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh B. Cuộc sống hạnh phúc, hòa thuận đến tháng 8/2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B chơi bời, cờ bạc, lại có biểu hiện không chung thủy, từ đó không quan tâm đến gia đình, vợ, con có lần vợ chồng mâu thuẫn anh B đã đánh đập, hành hạ chị. Mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 8/2019, vợ chồng ly thân, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn Đ, xã KH sinh sống cũng thời gian đó chị đã nộp đơn ly hôn đến Tòa án, được Tòa án hòa giải chị rút đơn về đoàn tụ vợ chồng nhưng cũng chỉ được thời gian ngắn vợ chồng lại mâu thuẫn, tháng 5/2020 chị lại bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại Thôn Đ, xã KH sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho tới nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh B không còn, chị xin ly hôn anh B.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Chu Thị H sinh ngày 01/6/2018, hiện đang ở với chị. Ly hôn, chị nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng cho con. Hiện tại chị không có thai nghén gì.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Chu Văn B vắng mặt nên không có ý kiến trình bày:

Kết quả xác minh với bà Nguyễn Thị M – mẹ đẻ anh Chu Văn B và cơ sở Thôn K, xã KH thấy: Chị Lê Thị M và anh Chu Văn B là vợ chồng, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng thì gia đình và cơ sở thôn không biết rõ, chỉ biết anh B chơi bời, cờ bạc, có lần vợ chồng mâu thuẫn anh B đã đánh chị M, tháng 8/2019 chị M có nộp đơn ly hôn đến Tòa án, được Tòa án hòa giải vợ chồng lại về đoàn tụ nhưng từ tháng 5/2020 chị M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn Đ, xã KH sinh sống từ đó cho đến nay. Nay chị M có đơn ly hôn anh B gia đình và cơ sở thôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị M và anh B có 01 con chung là cháu Chu Thị H sinh ngày 01/6/2018, hiện đang ở với chị M. Nếu Tòa án giải quyết cho chị M và anh B ly hôn về con chung và cấp dưỡng cho con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản: gia đình và cơ sở thôn không biết rõ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của

Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nên Viện kiểm sát không có ý kiến nhận xét về việc tuân theo pháp luật của bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: xử cho chị Lê Thị M được ly hôn anh Chu Văn B; giao con chung Chu Thị H sinh ngày 01/6/2018 cho chị Lê Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chị M không yêu cầu anh B cấp dưỡng cho con, anh B có quyền đi lại thăm nom con chung; về tài sản chung không đặt ra giải quyết; chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị M khởi kiện ly hôn, nuôi con chung với anh Chu Văn B. Do anh B là bị đơn cư trú tại Thôn K, xã KH, huyện P, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện P, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị M và anh Chu Văn B được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã KH, huyện P, tỉnh Thái Bình cấp giấy đăng ký kết hôn số 33 ngày 28/6/2016 là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, hòa thuận đến tháng 8/2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B chơi bời, cờ bạc, từ đó không quan tâm đến gia đình vợ, con, có lần vợ chồng mâu thuẫn anh B đã đánh chị M, mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 8/2019 chị M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn Đ, xã KH sinh sống và nộp đơn ly hôn đến Tòa án, được Tòa án hòa giải vợ chồng lại về đoàn tụ nhưng vợ chồng vẫn tiếp tục mâu thuẫn, đến tháng 5/2020 chị M lại bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị M có đơn xin ly hôn anh B, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh B vắng mặt tại phiên hòa giải và các buổi tố tụng khác của Tòa án. Điều đó chứng tỏ anh B không có thiện chí hòa giải, không có nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng. Như vậy, hôn nhân của anh, chị thực tế chỉ tồn tại về mặt hình thức, anh, chị thực sự không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị M, xử cho chị M được ly hôn anh B là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị M và anh Chu Văn B có 01 con chung là Lê Thị Hồng Nhung sinh ngày 01/6/2018, hiện đang ở với chị M. Ly hôn, chị M nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng cho con. Xét nguyện vọng của chị M là chính đáng hơn nữa con chung dưới 36 tháng tuổi, giới tính nữ lại đang ở với chị M và lại anh B vắng mặt nên không có ý kiến gì về việc nuôi con và cấp dưỡng cho con vì vậy cần giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chị M không yêu cầu anh B cấp dưỡng cho con là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị Lê Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh Chu Văn B không có ý kiến trình bày, do đó về tài sản chung Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị M và anh Chu Văn B có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị M được ly hôn anh Chu Văn B.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung Chu Thị H sinh ngày 01/6/2018 cho chị Lê Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Chị M không yêu cầu anh Chu Văn B cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B có quyền, nghĩa vụ trông nom giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị M phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị M đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004400 ngày 29 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Chu Văn B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục thi hành án dân sự h.Quỳnh Phụ;
- UBND xã KH, h.Quỳnh Phụ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Duyên
(Đã ký)